

Bản án số: 520/2022/HS-PT
Ngày: 14-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Lê Phước Thanh**

Các thẩm phán: ông **Nguyễn Cường**

ông **Trần Quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Lê Ra**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2022 Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 457/2022/TLPT-HS ngày 17 tháng 10 năm 2022, đối với bị cáo Phan Đình K bị xét xử về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và “*Tham ô tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2022/HS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bị cáo có kháng cáo:

Phan Đình K, sinh năm: 1993 tại Bình Định; nơi cư trú: tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Phan Văn T, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1971; vợ: Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1993, có 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hồ K – Luật sư Văn phòng luật sư B, Đoàn luật sư tỉnh Bình Định- Có mặt.

Địa chỉ: tỉnh Bình Định.

- Bị hại:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q.

Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị A – Giám đốc- Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q do Đỗ Thanh H làm Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Ngày 01/01/2017, Phan Đình K được Công ty ký kết hợp đồng lao động và được phân công nhiệm vụ: N viên tiếp thị và quản lý thị trường tại các địa bàn thuộc huyện P, huyện H, huyện H, chào bán vật liệu xây dựng, xi măng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q làm đại lý phân phối cho Công ty Cổ phần Xi măng Đ; đồng thời theo dõi việc giao nhận hàng của Công ty cho các khách hàng, thu tiền bán hàng từ các cửa hàng nộp lại cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q ký kết hợp đồng kinh tế với 27 cửa hàng trên địa bàn huyện H, huyện H, huyện P, tỉnh Bình Định về việc mua bán xi măng với các cửa hàng với quy trình như sau:

Khi các khách hàng đồng ý đặt mua xi măng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q thì Phan Đình K tổng hợp báo về cho Công ty biết số lượng hàng, biển số xe ô tô nhận hàng. Trên cơ sở đó, Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q sẽ đăng nhập thành viên vào trang web bán hàng của Công ty Cổ phần Xi măng Đ để đặt hàng như: Số lượng, chủng loại xi măng, ngày giao hàng, biển số xe nhận hàng. Hệ thống của Công ty Cổ phần Xi măng Đ sẽ xử lý đơn hàng và cung cấp cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q 01 “mã nhận hàng”. Công ty Cổ phần Dịch vụ thương mại Q cung cấp mã nhận hàng cho K để K báo cho tài xế xe biết đến kho của Công ty Cổ phần Xi măng Đ nhận hàng về giao cho các cửa hàng mua bán vật liệu xây dựng. Công ty Cổ phần Dịch vụ thương mại Q sẽ chuyển khoản thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần xi măng Đ đối với số xi măng theo đơn hàng đã đặt.

Để theo dõi việc bán hàng của Phan Đình K; Công ty Cổ phần Dịch vụ thương mại Q có giao cho Phan Đình K 02 quyển “*Sổ công nợ*” trong đó, có 01 sổ giao cho khách hàng, 01 sổ do K giữ để ghi chép, theo dõi việc mua bán, thanh toán tiền hàng giữa các cửa hàng với Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q gồm các cột mục như: ngày tháng, số xe nhận hàng, số lượng hàng, đơn giá, thành tiền, số tiền đã trả (*thanh toán*), nợ cuối kỳ (theo lũy kế). Trên cơ sở số lượng xi măng đã giao cho các cửa hàng, K sẽ ghi vào 02 sổ công nợ này để cùng theo dõi, đối chiếu với khách hàng. Khi thanh toán, khách hàng sẽ chuyển khoản vào tài khoản của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q hoặc giao tiền mặt trực tiếp cho K để K nộp về cho Công ty. Theo đó, có kế toán của Công ty là Nguyễn Thị Bích Vy mở sổ theo dõi công nợ đối với từng khách hàng, cũng ghi nhận các nội dung: ngày tháng, số xe nhận hàng, số lượng hàng, đơn giá, thành tiền, số tiền khách hàng đã thanh toán (*tiền mặt hoặc chuyển khoản*), nợ cuối kỳ theo từng tháng để theo dõi. Đồng thời có mở sổ theo dõi tiền mặt, tiền gửi vào tài khoản của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q để theo dõi việc các nhân viên thị trường thu tiền của các cửa hàng nộp về cho Công ty. Đến cuối tháng, kế toán sẽ lập “*Biên bản đối chiếu công nợ*” với khách hàng ghi rõ các nội dung: Số dư đầu kỳ, phát sinh trong tháng, số tiền khách hàng đã thanh toán, số tiền còn nợ cuối tháng và giao cho nhân viên thị trường để kiểm tra, đối chiếu, nếu phù hợp thì ký xác nhận rồi gửi về Công ty để theo dõi. Nếu có sai lệch thì kịp thời kiểm tra, xử lý, điều chỉnh.

Lợi dụng nhiệm vụ được giao và sự tin tưởng của các cửa hàng do K quản lý và thu tiền mua bán vật liệu xây dựng K đã chiếm đoạt tiền với cách thức khi các

cửa hàng thanh toán tiền mua bán vật liệu xây dựng cho K thì K vẫn ghi đầy đủ việc nhận tiền và sổ công nợ do khách hàng giữ để theo dõi. Trên sổ công nợ của K thì K không ghi việc nhận tiền hàng của khách hàng mà báo về cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q về việc khách hàng chưa thanh toán tiền.

Với cách thức nêu trên, từ tháng 03/2017 đến tháng 02 năm 2018, Phan Đình K đã thu tiền của các cửa hàng do K quản lý trên địa bàn huyện H, P, huyện H nhưng không giao nộp cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q mà chiếm đoạt với số tiền 1.666.492.000, trong đó:

+ Phan Đình K nhận tiền từ các cửa hàng nhưng không giao nộp về công ty số tiền 1.574.759.000đ.

+ Phan Đình K đã bán vật liệu xây dựng cho các cửa hàng, nhưng K không ghi vào sổ công nợ, gây thiệt hại cho Công ty Cổ phần Dịch vụ thương mại Q số tiền 86.578.000 đồng.

+ Các khoản tiền do K tự ý hỗ trợ vận chuyển, chiết khấu bán hàng trừ vào công nợ không được Công ty Cổ phần Dịch vụ thương mại Q đồng ý, ghi sai giá trị hàng hóa, ghi giá bán thấp hơn giá của Công ty số tiền 5.155.000 đồng.

Cụ thể theo từng cửa hàng mua bán vật liệu xây dựng, như sau:

1. Cửa hàng vật liệu xây dựng H do Đỗ Thạch H làm chủ cửa hàng đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q và giao cho Phan Đình K nhận với số tiền 50.000.000đ và bị K chiếm đoạt.

2. Cửa hàng vật liệu xây dựng P do Bùi Văn P chủ cửa hàng đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q và giao cho Phan Đình K nhận số tiền 278.677.000đ, K chỉ nộp cho Công ty số tiền 192.000.000đ, còn 86.677.000đ K chiếm đoạt.

3. Cửa hàng vật liệu xây dựng D do Nguyễn H T chủ cửa hàng đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q và giao cho Phan Đình K nhận số tiền 53.479.000đ, nhưng K chỉ giao nộp cho Công ty số tiền 24.000.000đ, còn lại 29.479.000đ K chiếm đoạt.

4. Cửa hàng vật liệu xây dựng A do Vương A chủ cửa hàng đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q và giao cho Phan Đình K nhận với số tiền 261.044.000đ nhưng K chỉ giao nộp lại cho Công ty số tiền 220.000.000đ, còn lại số tiền 41.044.000đ chiếm đoạt.

5. Cửa hàng vật liệu xây dựng T do Võ Việt B chủ cửa hàng nhưng giao lại cho Phan Thị M quản lý mua bán đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q cho Phan Đình K nhận với số tiền 80.954.000đ, nhưng K chỉ giao nộp cho Công ty với số tiền 60.000.000đ, K ghi sai tăng công nợ 45.500đ. Như vậy, K đã chiếm đoạt số tiền 21.000.000đ.

6. Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Hoàng T do Phan Hoàng T làm giám đốc, đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q và giao cho K nhận với số tiền 65.707.000đ. K giao nộp lại cho Công ty số tiền 30.000.000đ, còn 35.700.000đ K giữ lại và ghi sai công nợ là 7.000đ. Như vậy, K đã chiếm đoạt 35.707.000đ.

7. Công ty TNHH Đẹp T do Trần Thị T làm giám đốc đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q cho Phan Đình K nhận với số

tiền 148.950.000đ. K nộp lại cho Công ty số tiền 100.000.000đ, còn 48.950.000đ, K giữ lại và ghi sai công nợ là 1.050.000đ. Như vậy, K đã chiếm đoạt 50.000.000đ.

8. Cửa hàng vật liệu xây dựng Tư N do Nguyễn Văn N đứng tên chủ doanh nghiệp nhưng giao cho Hoàng Thị Tư quản lý mua bán đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q cho Phan Đình K nhận số tiền 214.594.000đ. Sau khi nhận tiền xong, Phan Đình K giao nộp lại cho Công ty số tiền 121.000.000đ, còn số tiền 93.594.000đ K chiếm đoạt. Trong đó, K bán hàng không ghi sổ nợ và tự chiết khấu với số tiền 23.400.000đ, gây thiệt hại cho Công ty.

9. Cửa hàng vật liệu xây dựng S do Trần Đức S đứng tên chủ cửa hàng nhưng giao cho con Trần Đức Lâm kinh doanh mua bán, đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q và giao cho Phan Đình K nhận số tiền 12.980.000đ, nhưng K ghi sai công nợ 20.000đ gây thiệt hại cho Công ty số tiền 13.000.000đ. Như vậy, K đã chiếm đoạt 13.000.000đ.

10. Cửa hàng vật liệu xây dựng Phú V do Nguyễn Thị Diên V chủ cửa hàng mua bán vật liệu xây dựng, đã trả tiền mua vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q cho K số tiền 22.990.000đ, nhưng K nộp lại cho Công ty 5.000.000đ, còn 17.990.000đ, K không nộp và ghi sai công nợ là 10.000đ. Như vậy, Phan Đình K đã chiếm đoạt 18.000.000đ.

11. Cửa hàng vật liệu xây dựng N do Lê Thị L chủ cửa hàng, đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q cho K nhận là 72.750.000đ. K nộp lại cho Công ty 20.000.000đ, còn giữ lại 52.750.000đ chiếm đoạt, trong đó K ghi sai đơn giá và tự ý hỗ trợ vận chuyển 2.750.000đ gây thiệt hại cho Công ty.

12. Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại T Thảo do Nguyễn Văn T làm giám đốc đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q giao cho K nhận là 67.730.000đ, K giao nộp cho Công ty 20.000.000đ, còn 47.730.000đ K chiếm đoạt và việc ghi sai đơn giá làm tăng công nợ khách hàng số tiền 280.000đ. Như vậy, Phan Đình K đã chiếm đoạt của Công ty 48.000.000đ.

13. Cửa hàng vật liệu xây dựng H do Lê Quang H chủ doanh nghiệp đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q cho K nhận là 117.901.000đ, K giao nộp cho Công ty 44.000.000đ, còn giữ lại 73.901.000đ chiếm đoạt. Trong đó, Phan Đình K bán hàng không ghi sổ nợ là 3.468.000đ.

14. Cửa hàng vật liệu xây dựng H Phát do Phan Xuân H - chủ cửa hàng đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q cho K nhận là 95.000.000đ, K chỉ nộp cho Công ty 75.000.000đ, còn 20.000.000đ chiếm đoạt.

15. Cửa hàng vật liệu xây dựng V Thường do Huỳnh C chủ cửa hàng đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q cho K nhận số tiền 341.060.000đ, K chỉ nộp cho Công ty 70.000.000đ, còn lại chiếm đoạt 271.060.000đ. Trong đó, K tự ý vận chuyển 1.060.000đ gây thiệt hại cho Công ty.

16. Cửa hàng vật liệu xây dựng A do Bùi Thiên Đ - chủ doanh nghiệp đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q cho K nhận là 98.810.000đ. K nộp lại cho Công ty 58.570.000đ, còn chiếm đoạt 40.240.000đ. Trong đó, K tự ý khuyến mãi cho khách hàng và ghi sai công nợ với số tiền 7.240.000đ gây thiệt hại cho Công ty.

17. Cửa hàng vật liệu xây dựng L Lắm do Trần Thị L chủ doanh nghiệp đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q cho K nhận là 287.292.000đ, K nộp cho Công ty 244.000.000đ, còn chiếm đoạt 43.292.000đ. Trong đó, K ghi sai công nợ với số tiền 3.302.000đ gây thiệt hại cho Công ty.

18. Cửa hàng vật liệu xây dựng M Thành do Đỗ Thị M - chủ doanh nghiệp đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q cho K nhận là 140.764.000đ, K nộp cho Công ty 60.000.000đ, còn chiếm đoạt 80.764.000đ. Trong đó, K ghi sai công nợ với số tiền 20.300.000 gây thiệt hại cho Công ty.

19. Cửa hàng vật liệu xây dựng Hiền L do Lý Thị L đứng tên chủ cửa hàng giao cho Trần Văn Hiền quản lý đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q giao cho K nhận là 161.884.000đ, K nộp lại cho Công ty 116.000.000đ, còn chiếm đoạt 45.884.000đ. Trong đó, K ghi sai công nợ với số tiền 14.116.000đ gây thiệt hại cho Công ty.

20. Cửa hàng vật liệu xây dựng P do Phan Thị T chủ cửa hàng đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q giao cho K nhận là 226.505.000đ, K nộp lại cho Công ty 153.000.000đ, còn chiếm đoạt 73.505.000đ.

21. Cửa hàng vật liệu xây dựng Năm C do Nguyễn Thị C chủ cửa hàng đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q giao cho K nhận là 207.615.000đ, K nộp lại cho Công ty 74.000.000đ, còn chiếm đoạt 133.615.000đ.

22. Cửa hàng vật liệu xây dựng L do Trần Văn L chủ cửa hàng đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q giao cho K nhận là 11.600.000đ, K không giao nộp cho Công ty mà chiếm đoạt.

23. Cửa hàng vật liệu xây dựng Thành H do Lê Thị H - chủ cửa hàng đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q giao cho K 35.300.000đ, K nộp cho Công ty 26.700.000đ, còn chiếm đoạt 8.600.000đ.

24. Cửa hàng vật liệu xây dựng T do Võ Trọng T chủ doanh nghiệp đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q giao cho K 231.965.500đ, K nộp cho Công ty 70.000.000đ, còn chiếm đoạt 161.965.500đ. Trong đó, K tự ý hỗ trợ vận chuyển, ghi sai công nợ với số tiền 1.759.500đ gây thiệt hại cho Công ty.

25. Công ty TNHH S do Lương Văn S làm giám đốc đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q cho K nhận 90.000.000đ, K nộp cho Công ty 60.000.000đ, còn chiếm đoạt 30.000.000đ.

26. Cửa hàng vật liệu xây dựng Thuận H do Nguyễn Bá H chủ cửa hàng đã trả tiền vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q cho K 93.240.000đ, K nộp cho Công ty số tiền 50.000.000đ, còn chiếm đoạt 43.240.000đ. Trong đó, K ghi sai làm giảm công nợ với số tiền 1.160.000đ gây thiệt hại cho Công ty.

27. Cửa hàng vật liệu xây dựng H Tráng do Bùi Thị H đứng tên chủ cơ sở kinh doanh, nhưng giao cho Bùi Long Tráng quản lý, đã trả tiền vật liệu xây dựng giao cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q cho K 90.952.000đ, K không giao nộp cho Công ty mà chiếm đoạt. Trong đó, K ghi sai công nợ với số tiền 3.302.000đ gây thiệt hại cho Công ty.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 45/2022/HS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 175 và điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Đình K phạm các tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và “*Tham ô tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt: Bị cáo Phan Đình K 05 (năm) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; 07 (bảy) năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/9/2022 bị cáo Phan Đình K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại tội tham ô tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Đình K giữ nguyên kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Đình K và giữ y hình phạt của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cấp sơ thẩm, phù hợp với lời khai của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q và lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đối với số tiền 170 triệu đồng, bị cáo K đã nộp sau khi Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q kiểm tra và phát hiện. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có đủ cơ sở xác định:

[1.1] Bị cáo Phan Đình K được Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q ký kết hợp đồng lao động và được phân công nhiệm vụ: N viên tiếp thị và quản lý thị trường tại các địa bàn thuộc huyện P, huyện H, huyện H, chào bán vật liệu xây dựng, xi măng; đồng thời theo dõi việc giao nhận hàng của Công ty cho các khách hàng, thu tiền bán hàng từ các cửa hàng nộp lại cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q. Quá trình thực hiện nhiệm vụ phân công, bị cáo Phan Đình K đã có hành vi lợi dụng nhiệm vụ theo dõi, thu tiền nhưng khi nhận tiền của 27 cửa hàng mua bán vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện H, huyện H, huyện P; K đã không giao nộp cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q mà chiếm đoạt số tiền 1.574.759.000đ sử dụng vào mục đích cá nhân. Trong đó:

- Phan Đình K chiếm đoạt từ ngày 02/3/2017 đến ngày 31/12/2017, với số tiền 919.945.000đ.

- Phan Đình K chiếm đoạt từ ngày 11/01/2018 đến ngày 15/02/2018, với số tiền 654.814.000đ.

[1.2] Trong vụ án này, bị cáo Phan Đình K là nhân viên hợp đồng; ngoài nhiệm vụ tìm kiếm khách hàng, phát triển thị trường, tham gia vào việc giao nhận xi măng Đ cho khách hàng đặt mua thì K còn được giao việc đối chiếu, xác nhận

công nợ hàng tháng với các khách hàng và nhận tiền mặt khách hàng thanh toán cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q (thông qua việc Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q giao cho Phan Đình K 02 quyển “Sổ công nợ” trong đó, có 01 sổ giao cho khách hàng, 01 sổ do K giữ để ghi chép, theo dõi việc mua bán, thanh toán tiền hàng giữa các cửa hàng với Công ty; giao biên bản đối chiếu công nợ cho K trực tiếp đối chiếu với khách hàng; việc Công ty tổ chức đối chiếu với khách hàng sau khi nhận thấy công nợ của khách hàng do K quản lý cao bất thường...), đã cho thấy bị cáo Phan Đình K là người có trách nhiệm đối với tài sản là người được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý tài sản nên là người có chức vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, khoản 2 Điều 352 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng. Vì vậy, theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì hành vi chiếm đoạt của bị cáo Phan Đình K từ ngày 02/3/2017 đến ngày 31/12/2017, cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015); Kể từ ngày 01/01/2018 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành thì hành vi chiếm đoạt tương tự như trên của bị cáo Phan Đình K từ ngày 11/01/2018 đến ngày 15/02/2018, cấu thành tội “Tham ô tài sản” theo quy định Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định kết án bị cáo Phan Đình K về các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Tham ô tài sản” theo khoản 4 Điều 175 và điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Như đã nhận định nêu trên, bị cáo Phan Đình K là người có trách nhiệm giao nộp số tiền khách hàng đã trả cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q nhưng K không nộp cho Công ty là đã chiếm đoạt tài sản của Công ty. Mặt khác, 27 khách hàng bị lệch công nợ do K chiếm đoạt, đã được Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q công nhận và không yêu cầu khách hàng nộp tiền chênh lệch; Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q yêu cầu K phải bồi hoàn. Cho nên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Q là bị hại trong vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 62 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Phan Đình K mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng; số tiền chiếm đoạt 1.574.759.000đ là rất lớn; gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, sau khi xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo; đã bồi thường toàn bộ số tiền thiệt hại 1.666.492.000đ, thể hiện sự ăn năn hối cải theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xử phạt bị cáo Phan Đình K 05 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 07 năm tù về tội “Tham ô tài sản”, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là phù hợp và có căn cứ. Tại tòa án cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới đáng kể để xem xét giảm nhẹ. Cho nên, không thể chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc

thẩm.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Đình K và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

1/ Tuyên bố bị cáo Phan Đình K phạm các tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và “*Tham ô tài sản*”.

2/ Áp dụng khoản 4 Điều 175 và điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phan Đình K 05 (năm) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; 07 (bảy) năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phan Đình K phải chấp hành chung cho cả hai tội là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

3/ Bị cáo Phan Đình K phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4./ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Bình Định;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam công an tỉnh Bình Định;
- Người tham gia tố tụng khác;
- L HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh